



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành: **DƯỢC HỌC**

Mã số: **7720201**

Lần ban hành:

Ngày ban hành:

Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC	Tiếng Anh: Ethics of pharmacy practice						
- Mã số học phần: EPP1171							
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)							
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: <table><tr><td>☐ Kiến thức đại cương/chung</td><td>☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung</td></tr><tr><td>☒ Kiến thức cơ sở ngành</td><td>☐ Học phần dạy học dự án</td></tr><tr><td>☐ Kiến thức ngành</td><td>☐ Kiến thức khác</td></tr></table>		☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung	☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án	☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
☐ Kiến thức đại cương/chung	☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung						
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học dự án						
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác						
- Số tín chỉ: 02 + Số tiết lý thuyết: 30 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận: 0 + Số tiết thực tế ngoài trường: 0 + Số tiết tự học : 60 tiết.							

- Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết: Không	Mã số HP:
Học phần học trước: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>	Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
Học phần song hành: <i>(ghi tên HP nếu có)</i>	Mã số HP: <i>(ghi MSHP)</i>
- Yêu cầu của học phần <i>(giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu)</i>	
Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%.	
Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ...	
Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược	

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Trần Hải Ứng
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, mục đích và những nội dung chính yếu của học phần)*

Học phần "Đạo đức hành nghề Dược" đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ, cung cấp nền tảng về đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp trong lĩnh vực dược học. Học phần là một trong những nội dung cơ sở ngành, hỗ trợ người học hình thành và phát triển phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và năng lực chuyên môn để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn trong hành nghề Dược.

Nội dung chính: Cung cấp kiến thức về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp, và các quy định pháp lý liên quan đến ngành Dược. Nhấn mạnh 12 điều y đức và 10 điều dược đức áp dụng trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và tư vấn thuốc. Giới thiệu các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học tại Việt Nam và quốc tế.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR nào của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	Trang bị cho người học các kiến thức về: Khái niệm về đạo đức xã hội, lịch sử đạo đức, phạm trù đạo đức; mười hai điều y đức của cán bộ y tế và mười điều y đức trong hành nghề dược; nguyên tắc và những đặc điểm chủ yếu của đạo đức hành nghề dược; Đạo đức trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc; Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học.	PLO3	3/6
CO2	Rèn luyện cho người học các kỹ năng về: Điều chỉnh nhận thức, quản lý cảm xúc và hành vi trong giao tiếp với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, thực hiện tốt mười hai điều y đức và mười điều dược đức trong hành nghề dược, trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc và trong nghiên cứu y sinh học.	PLO ₈	3/5
CO3	Giáo dục, rèn luyện cho người học về thái độ, tinh thần làm việc, lương tâm trách nhiệm của người cán bộ y tế nói chung và người cán bộ dược trong hành nghề dược	PLO _{11,12}	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC			CLOs HP ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt (*)	Trọng số (%) **	Bài HP đảm nhận

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC			CLOs HP ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO ₃ [1.2.1]	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành để hệ thống hóa và phát triển kiến thức chuyên ngành Dược.	3/6	CLO ₁ [1.2.1.1]	Vận dụng kiến thức tâm lý và đạo đức để giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, người nhà và đồng nghiệp, đồng thời hiểu rõ chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Dược.	3/6		Bài 1-7
			CLO ₂ [1.2.1.2]	Áp dụng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất, kinh doanh, tư vấn thuốc, và nghiên cứu y sinh học.	3/6		Bài 1-7
PLO ₈ [2.1.1]	Sử dụng thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp và áp dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết vấn đề thực tiễn và hỗ trợ phát triển các giải pháp chuyên ngành Dược.	3/5	CLO ₃ [2.1.1.1]	Xác định các hành vi phù hợp với đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn và giao tiếp với các bên liên quan.	3/5		Bài 1-7
			CLO ₄ [2.1.1.2]	Thực hiện các hành vi đạo đức trong từng lĩnh vực công tác của ngành Dược, đảm bảo tính chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội.	3/5		Bài 1-7
PLO ₁₁ [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.	4/5	CLO ₅ [3.1.1.1]	Rèn luyện phẩm chất đạo đức và ý thức học tập, tuân thủ pháp luật để phát triển chuyên môn.	4/5		Bài 1-7
PLO ₁₂ [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp,	4/5	CLO ₆ [3.2.1.1]	Xây dựng thái độ tôn trọng, hợp tác với đồng nghiệp, bệnh nhân, người nhà và các đối tác, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm với xã hội và môi	4/5		Bài 1-7

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC			CLOs HP ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ DƯỢC				
	bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.			trường.			

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các bài cho việc đạt các CLOs HP Đạo đức Hành nghề Dược (*)

CLO	Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1] – 4/5
Bài 1	3/6	3/6	3/5	3/6	4/5	4/5
Bài 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 5	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 6	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 7	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần (Các bài đánh giá, điểm năng lực và trọng số đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CLOs)

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		

A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra	CLO1	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Cuối Bài 7
	CLO2	3/6	8		
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kì (thi kết thúc học phần)			50		
Bài thi hết học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	Theo lịch thi của P. QLĐT
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1] – 4/5	CLO6 [3.2] – 4/5
A1.1 (20%)					X	X
A1.2 (30%)	X	X	X	X		
A2 (50%)	X	X	X	X		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	BÀI 1. Khái niệm đạo đức, Lịch sử đạo đức, Phạm trù đạo đức 1. Khái niệm về đạo đức xã hội 2. Lịch sử đạo đức xã hội 3. Đạo đức nghề nghiệp 4. Một số cấp phạm trù cơ bản của đạo đức	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	BÀI 2. 12 Điều Y đức của cán bộ Y tế ; 10 Điều Y đức trong hành nghề Dược 1. Mười hai điều Y đức của cán bộ Y tế 2. Mười điều Y đức trong hành nghề Dược	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
3	BÀI 3. Nguyên tắc và những đặc điểm chủ yếu trong hành nghề Dược 1. Vai trò của người Dược sĩ trong thế kỷ 21 2. Mười điều dược đức của người cán bộ dược 3. Nguyên tắc đạo đức hành nghề Dược 3. Những đặc điểm chủ yếu của đạo đức trong hành nghề Dược	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
4	BÀI 4. Đạo đức trong sản xuất thuốc 1. Khái niệm về thuốc. Thuốc được sản xuất như thế nào Quy trình sản xuất thuốc mới ; Quy trình sản xuất thuốc và vai trò của GMP;	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
	2. Các điều kiện để được sản xuất thuốc . Hồ sơ, thủ tục và quy trình để được cấp phép sản xuất 3. Các nguyên tắc chính của GMP trong sản xuất thuốc Và quy trình sản xuất thuốc theo GMP					
5	BÀI 5. Đạo đức trong kinh doanh thuốc 1. Một số thuật ngữ hay được dùng trong đạo đức kinh doanh dược 2. Nguyên tắc tự nguyện về đạo đức kinh doanh trong ngành dược phẩm Việt Nam	5	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.1 A1.2 A2
6	BÀI 6. Đạo đức trong tư vấn thuốc 1. Khái niệm tư vấn thuốc 2. Tư vấn chính xác trên cơ sở đảm bảo chất lượng nguồn thông tin nhà thuốc 3. Tư vấn trung thực không vụ lợi 4. Tư vấn rõ ràng dễ hiểu 5. Tư vấn bằng thái độ giao tiếp cởi mở, thân mật, tạo được niềm tin của khách hàng 6. Tư vấn để góp phần thúc đẩy quá trình tự điều trị, sử dụng thuốc OTC 7. Tư vấn để góp phần đẩy mạnh việc kê đơn, sử dụng thuốc hợp lý , an toàn và hiệu quả	5	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.1 A1.2 A2
7	BÀI 7. Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học 1. Vài nét về đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học 2. Tuyên ngôn Helsinki 3. Quy định về đạo đức trong nghiên cứu Y sinh của Việt Nam 4. Những đối tượng cần lưu ý khi nghiên cứu Y sinh	4	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	A1.1 A1.2 A2

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
	Sách, giáo trình			
1	Trần Diệp Tuấn	2020	Giáo trình Đạo đức Y học	Nhà Xuất bản Y học

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Nguyên tắc đạo đức hành nghề dược	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Thong-tu-08-2021-TT-BYT-Nguyen-tac-dao-duc-hanh-nghe-duoc-465913.aspx	11/2/2023

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần**

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Bài1,2,3,4,5,6,7

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

Các Thầy Cô tham khảo các rubrics trong bản Mô tả CTĐT để lựa chọn các files phù hợp với mục đích đánh giá của HP. Thầy Cô có thể tự xây dựng rubric đơn giản hơn, dễ thực hiện hoặc điều chỉnh file đã có để phù hợp với PP đánh giá HP đã lựa chọn.

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

10. Thi kết thúc học phần

➤ Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:

- **Số câu hỏi trong 1 đề:** 04 câu (2,5 điểm x 4); Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄

- **Thời gian làm bài:** 60 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)

➤ Ma trận ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần:

CLOs		Các CLOs được đánh giá			
		1	2	3	4
		[1.2.1.1] 3/6	[1.2.1.2] 3/6	[2.2.1.1] 3/5	[2.2.1.2] 3/5
		Kiến thức cơ sở ngành		Kỹ năng nghề nghiệp	
Bài đánh giá A2 (Thi kết thúc HP)					
Bài 1	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 2	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 3	Số câu: 04	1	1	1	1

Bài 4	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 5	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 6	Số câu: 05	1	1	2	1
Bài 7	Số câu: 05	1	1	2	1
Cộng	30	7/30	7/30	9/30	7/30

➤ Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận:

- Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi: có 4 câu (1 CLO1, 1 CLO2, 1 CLO3, 1 CLO4) không cùng trong 1 chương hoặc 1 bài.

- Đề thi kết thúc học phần có 4 đề (Các câu hỏi không lặp lại)

Câu hỏi thi	Bài	Số lượng câu	Điểm	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Bài 1,2,3,4,5,6,7	1	2,5	CLO1- 3/6	7
Câu 2	Bài 1,2,3,4,5,6,7	1	2,5	CLO2 - 3/6	7
Câu 3	Bài 1,2,3,4,5,6,7	1	2,5	CLO3 - 3/5	9
Câu 4	Bài 1,2,3,4,5,6,7	1	2,5	CLO4 - 3/5	7
Cộng		4	10		30

Trưởng khoa

Giảng viên

(Đã ký)

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đức Cam

Ths. Trần Hải Ứng